

Mẫu số D23 – THADS

(Ban hành theo thông tư số 04/2023/TT-BTP

Ngày 14/8/2023 của Bộ Tư Pháp)

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Số: 257/TB-CCTHADS

Điện Bàn, ngày 02 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công khai lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Khoản 3 Điều 99, Điều 101 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022)

Căn cứ Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư Pháp;

Căn cứ Bản án số 53/2024/HSST ngày 17/5/2024; số 116/2024/HSST ngày 28/8/2024; số 126/2024/HSST ngày 12/9/2024; số 143/2024/HSST ngày 27/9/2024; số 115/2024/HSST ngày 23/8/2024; số 141/2024/HSST ngày 26/9/2024; số 29/2023/HSST ngày 25/4/2023; số 75/2023/HSST ngày 06/9/2023; số 44/2023/HSST ngày 08/6/2023; số 52/2023/HSST ngày 29/6/2023; số 78/2023/HSST ngày 07/9/2023; số 119/2023/HSST ngày 28/11/2023; số 46/2023/HSST ngày 09/6/2023; số 50/2023/HSST ngày 20/6/2023; số 96/2023/HSST ngày 07/9/2023; số 133/2023/HSST ngày 29/12/2023; số 19/2024/HSST ngày 25/01/2024; số 32/2024/HSST ngày 15/3/2024; số 59/2024/HSST ngày 23/5/2024; số 61/2024/HSST ngày 24/5/2024; số 43/2024/HSST ngày 17/4/2024; số 145/2024/HSST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định thi hành án số ngày 900/QĐ.CCTHADS ngày 12/02/2025; số 581/QĐ.CCTHADS ngày 06/12/2024; số 881/QĐ.CCTHADS ngày 12/02/2025; số 435/QĐ.CCTHADS ngày 22/11/2024; số 266/QĐ.CCTHADS ngày 01/11/2024; số 738/QĐ.CCTHADS ngày 24/12/2024; số 227/QĐ.CCTHADS ngày 19/10/2023; số 192/QĐ.CCTHADS ngày 18/10/2023; số 101/QĐ.CCTHADS ngày 10/10/2023; số 88/QĐ.CCTHADS ngày 06/10/2023; số 197/QĐ.CCTHADS ngày 18/10/2023; số 568/QĐ.CCTHADS ngày 18/01/2024; số 1070/QĐ.CCTHADS ngày 26/7/2023; số 1128/QĐ.CCTHADS ngày 07/8/2023; số 653/QĐ.CCTHADS ngày 06/3/2024; số 650/QĐ.CCTHADS ngày 06/3/2024; số 687/QĐ.CCTHADS ngày 18/3/2024; số 828/QĐ.CCTHADS ngày 14/5/2024; số 1044 ngày 22/7/2024; số 1039/QĐ.CCTHADS ngày 22/7/2024; số 1149/QĐ.CCTHADS ngày 20/8/2024; số 880/QĐ.CCTHADS ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ các văn bản ủy quyền của Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ kết quả thẩm định giá số 395/2025/196/CTTĐG ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Quảng Nam;

Để có cơ sở đưa tài sản sung công Nhà nước ra bán đấu giá theo quy định của pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam thông báo về việc công khai lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản với nội dung sau:

I/ Nội dung về tài sản bán đấu giá

1/ Tên, địa chỉ người có tài sản bán đấu giá :

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam,

Địa chỉ: 189 Trần Cao Vân, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2/ Tài sản bán đấu giá :

- Tài sản là Điện thoại di động các loại đã qua sử dụng cần thanh lý, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

- Tài sản là máy móc, thiết bị vật tư các loại đã qua sử dụng cần thanh lý

3/ Giá khởi điểm của tài sản để làm cơ sở bán đấu giá :

Căn cứ kết quả thẩm định giá số 395/2025/196/CTTĐG ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Quảng Nam thì tài sản nêu trên có giá trị thẩm định cụ thể là :

- Tài sản là Điện thoại di động các loại đã qua sử dụng cần thanh lý, không kiểm tra được chất lượng bên trong có giá là **38.170.000** đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*)

- Tài sản là máy móc, thiết bị vật tư các loại đã qua sử dụng cần thanh lý có giá là **21.910.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu chín trăm mười nghìn đồng*)

II/ Các tiêu chí về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá và chỉ dẫn nộp hồ sơ:

1/ Tiêu chí về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá :

Thực hiện theo quy định Điều 56 Luật đấu giá tài sản, Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư Pháp và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

2/ Yêu cầu về hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức bán đấu giá:

- Là tổ chức đấu giá có tên trong danh sách các tổ chức bán đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản – kèm theo bảng tự chấm điểm theo các tiêu chí đánh giá nêu trên (*bản chính*).

- Phương án đấu giá khá thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án);
- Hồ sơ năng lực và các tài liệu khác có liên quan.
- Danh sách đấu giá viên đủ điều kiện hành nghề đấu giá.

3/ Thời gian nộp hồ sơ: 03 (ba) ngày (kể từ ngày 02/6/2025 đến hết ngày 05/6/2025)

Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức bán đấu giá từ ngày đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam đến hết ngày **05/6/2025**.

4/ Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp

5/ Địa điểm nộp hồ sơ: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: 189 Trần Cao Vân, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Vậy, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam thông báo cho các tổ chức hoạt động bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam biết để liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn để nộp hồ sơ đấu giá theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- Trang TTĐT Cục THADS QNam;
- Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- VKSND thị xã Điện Bàn(k/s);
- Lưu: VT, HSTHA.


Lê Hùng Liêm

**BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|------------|--|--------------------|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện |
| 2. | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 19,0 |
| 1. | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10,0 |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2. | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 5,0 |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 3,0 |
| 3. | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2,0 |
| 4. | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến | 1,0 |
| 5. | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 16,0 |
| 1. | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 |
| 2. | Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu | 4,0 |

Hàng trước của phiên

| | | |
|-----|--|------|
| | giả công khai, khâ thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ) | |
| 3. | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá | 4,0 |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật | 2,0 |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá | 2,0 |
| 4. | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá | 4,0 |
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57,0 |
| 1. | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15,0 |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá | 12,0 |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá | 13,0 |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá | 14,0 |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên | 15,0 |
| 2. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào) | 4,0 |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành | 5,0 |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành | 6,0 |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên | 7,0 |
| 3. | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch) | 4,0 |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc | 5,0 |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc | 6,0 |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên | 7,0 |
| 4. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết | 3,0 |

11/02/2025 09:39:39

| | | |
|-----|--|-----|
| | quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$ | |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$ | |
| 5. | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên | 7,0 |
| 6. | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 4,0 |
| 7. | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ-CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |

| | | |
|---------------------|--|-----|
| 7.1 | Dưới 05 năm | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên | 4,0 |
| 8. | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| 9. | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng | 3,0 |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 4,0 |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này) | 7,0 |
| 1. | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó. | 3,0 |
| 2. | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh | 4,0 |
| Tổng số điểm | | 99 |